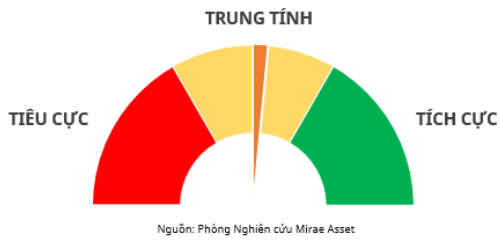


Thang đo sức mạnh thị trường



Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN INDEX	890.14	0.21	5.79	-8.62
HNX INDEX	124.80	-0.50	10.66	23.66
VN30 INDEX	827.57	0.39	5.81	-6.59
MSCI EM	1,094.56	-0.45	0.48	8.59
NIKKEI	23,274.13	0.80	4.23	9.79
HANG SENG	24,624.34	0.14	0.38	-7.74
KOSPI	2,401.91	0.74	2.14	19.55
FTSE	5,913.25	-0.41	-1.97	-18.80
S&P 500	3,426.96	-0.81	2.26	15.05
NASDAQ	11,313.13	-1.27	2.74	39.62

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	14.62	1.96	13.32

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.50	0	0	-175
3 năm	0.77	0	-3	-213
10 năm	2.90	0	4	-116

Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
USD/VND	23,178	-0.01	-0.05	0.09
USD/KRW	1,186.5	0.15	-0.06	0.56
USD/JPY	106.33	-0.06	-0.35	0.86
USD/CNY	6.84	-0.08	1.84	4.18

Giá hàng hóa

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
Dầu WTI	38.42	-3.39	-6.79	-32.02
Thép	535	0.56	12.42	-7.08
Đường	12.01	0.67	-5.21	8.98
Cà phê	1,523	0.40	9.33	19.73
Cao su	134.70	0.07	2.20	1.05
Nickel	15,186	-0.70	5.61	-14.13
Đồng	6,789.00	1.18	7.63	16.39
Thiếc	18,330	0.44	3.15	5.50

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



08 Tháng Chín 2020

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Nhận định thị trường

Phục hồi sau phiên giảm mạnh

Sau phiên giảm điểm mạnh trước đó, VN-Index có nhịp hồi phục khi đóng cửa vẫn giữ sắc xanh với việc hồi phục 1,89 điểm đóng cửa ở mốc 890,14 điểm (+0.21% DoD).

Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn tác động vào chiều giảm điểm có VCB, VIC và VNM khi lần lượt tác động 1,15; 0,95 và 0,88 điểm vào chiều giảm của VN-Index. Ở chiều ngược lại, BCM, CTG và VRE đã hỗ trợ tích cực giúp duy trì sắc xanh trên thị trường khi mà đóng góp lần lượt 0,89; 0,58 và 0,38 điểm.

BCM thu hút được nhiều sự chú ý và quan tâm của nhà đầu tư khi đã tăng liên tiếp 6 phiên trần, và đóng phiên hôm nay tiếp tục ghi nhận mức đỉnh mới kể từ lúc niêm yết với mức giá 47,000 đồng/ cổ phiếu.

Sau hơn 2 phiên nước ngoài mua ròng nhẹ thì khối ngoại đã quay lại bán ròng hơn 425 tỷ trên cả 2 sàn HSX và HNX, với giá trị bán ròng tập trung chủ yếu ở các mã: VIC (110 tỷ); VNM (75 tỷ); VCB (75 tỷ) và VHM (63 tỷ). Còn ở chiều mua ròng PLX và VRE là 2 mã ghi nhận giá trị mua ròng lần lượt đạt 24 tỷ và 17 tỷ.

Với diễn biến giao dịch giằng co quanh mức 890 điểm và hồi phục sau phiên giảm điểm mạnh trước đó. VN-Index cần thêm thời gian để tích lũy trước khi quay lại kiểm định vùng 900 điểm. Thang điểm đánh giá kỹ thuật ngắn hạn của Mirae Asset đang được ghi nhận ở mức TRUNG TÍNH (0 điểm).

Trương Hoàng Tiến Hưng, Analyst, 84-8-39102222, hung.tht@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	0	TRUNG TÍNH
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-2	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-6	TIÊU CỰC
Kospi	5	KHẢ QUAN
Nikkei 225	4	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	-2	TRUNG TÍNH
Dow Jones	-4	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

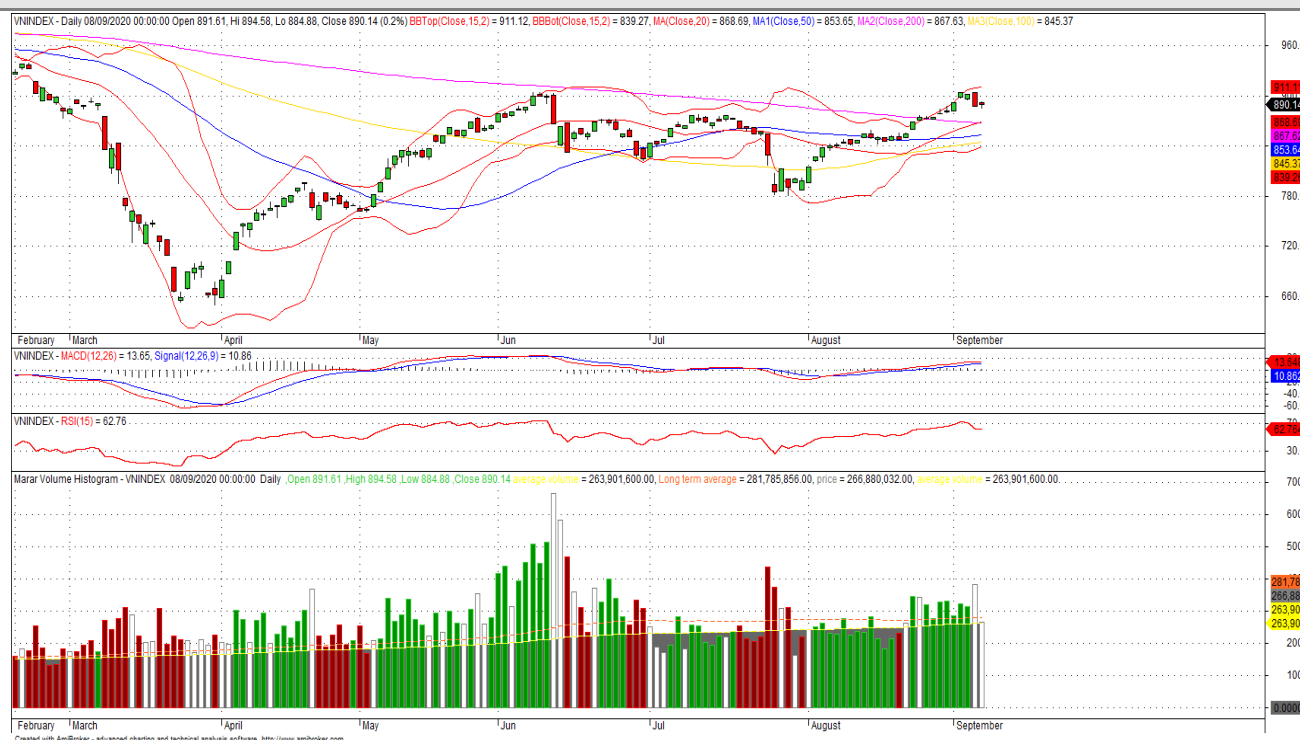
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	0	TRUNG TÍNH
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIẾU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (01/09/2020)	Kháng cự 1	890
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	900
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	850
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	820

VN-Index hồi phục nhẹ và hiện đang kiểm định lại vùng 890 điểm, tuy nhiên khối lượng giao dịch hôm nay có phần suy giảm so với phiên trước đó ngoài ra mặc dù hồi phục trong phiên tuy nhiên đóng cửa vẫn thấp hơn so với mở cửa khiến cho hình thành cây nến đỏ trong phiên ngày hôm nay.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fdata

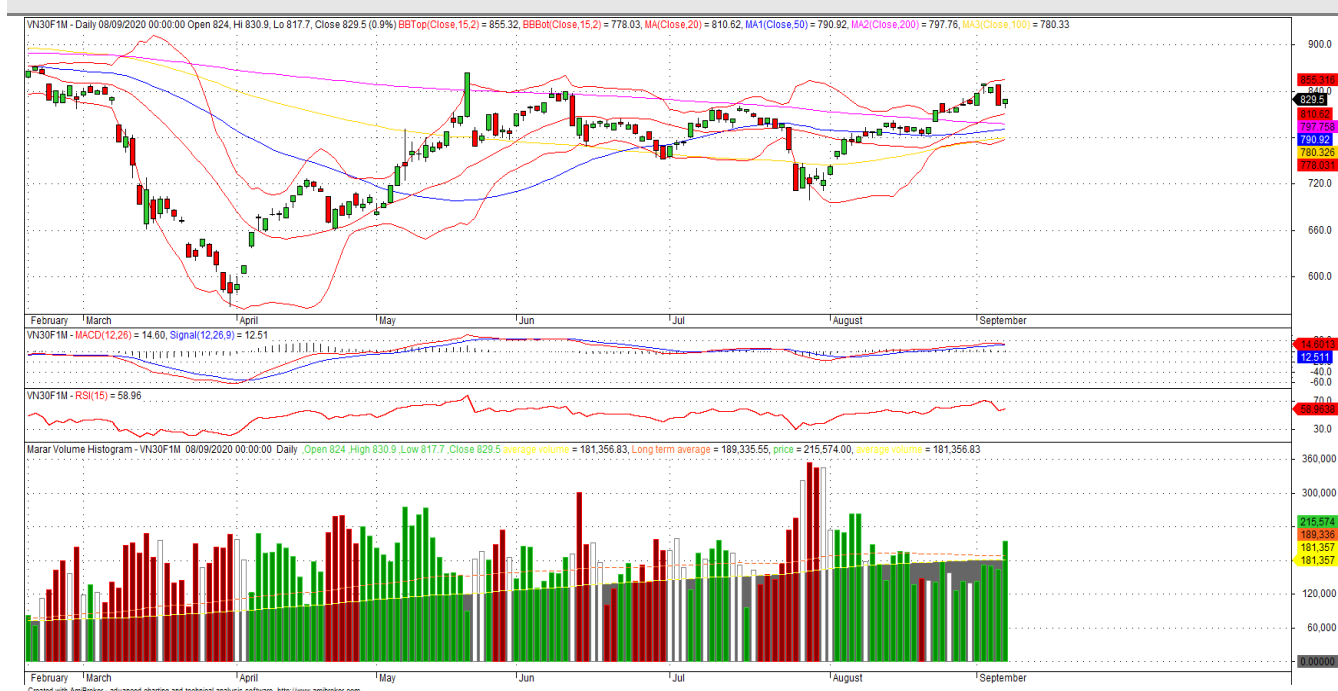
CẬP NHẬT PHẢI SINH

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (31/08/2020)	829.5	Kháng cự 1 830
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	Giảm	Kháng cự 2 850
VN30 - đóng cửa	824.36	Hỗ trợ 1 820
Chênh lệch VN30F1M & VN30	+1.93	Hỗ trợ 2 800

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	-1	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	-2	TRUNG TÍNH

VN30F1M đã hồi phục một phần đà giảm điểm trong phiên ngày hôm qua, tuy nhiên thang điểm đánh giá vẫn duy trì mức đánh giá ở TRUNG TÍNH VÀ TIÊU CỰC

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(ngàn VND)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	12.65	3,486,591	-2	TRUNG TÍNH	81,672	9.4	1.6
ACB	20.6	7,763,835	-4	TIÊU CỰC	258,227	11.7	3.8
ACV	57.9	168,790	4	KHẢ QUAN	216,279	22.4	7.2
AMD	2.57	1,841,018	-2	TRUNG TÍNH	95,133	8.5	1.2
ASM	6.35	2,007,625	-2	TRUNG TÍNH	55,824	5.6	1.2
BID	40.85	1,304,758	2	TRUNG TÍNH	4,976	4.8	1.3
BMP	55.3	156,798	-2	TRUNG TÍNH	42,923	5.1	1.0
BSR	6.6	1,740,615	0	TRUNG TÍNH	20,291	8.3	0.7
BVH	49.9	875,615	4	KHẢ QUAN	64,307	26.8	2.3
CII	18	1,291,402	-5	TIÊU CỰC	305,982	16.8	3.4
CMX	16.25	450,457	-5	TIÊU CỰC	44,528	7.1	1.4
CTD	73.1	666,520	0	TRUNG TÍNH	42,144	11.2	3.0
CTG	25.55	5,509,951	-2	TRUNG TÍNH	5,177	6.6	0.8
CTI	14.35	868,889	-2	TRUNG TÍNH	38,803	11.6	2.6
CTR	41.4	314,560	-4	TIÊU CỰC	7,791	9.8	2.6
D2D	68.2	356,007	2	TRUNG TÍNH	24,224	8.5	1.1
DBC	47.5	2,419,186	2	TRUNG TÍNH	64,373	16.8	2.8
DCM	9.11	2,065,590	7	KHẢ QUAN	9,495	9.2	1.0
DGW	48.95	572,255	2	TRUNG TÍNH	164,299	19.2	2.1
DHC	44.6	896,077	-4	TIÊU CỰC	4,632	18.8	0.3
DIG	13.45	1,652,630	0	TRUNG TÍNH	13,462	12.9	2.9
DPM	16.25	4,025,652	2	TRUNG TÍNH	306,110	38.7	3.6
DRC	17.6	523,038	-4	TIÊU CỰC	137,804	13.9	2.6
DRH	7.47	1,587,604	-7	TIÊU CỰC	60,871	15.9	2.7
DXG	9.78	5,058,184	-4	TIÊU CỰC	5,975	9.6	0.5
FLC	3.1	5,134,686	-2	TRUNG TÍNH	75,253	6.9	1.1
FPT	49.5	1,937,390	-2	TRUNG TÍNH	23,536	10.8	0.8
FRT	23.35	592,443	4	KHẢ QUAN	12,172	18.6	1.9
GAS	72	674,660	2	TRUNG TÍNH	55,946	30.7	3.7
GEX	25.9	6,789,476	2	TRUNG TÍNH	37,042	30.4	1.9
GTN	25.4	2,781,499	-2	TRUNG TÍNH	61,738	59.0	3.1
GVR	12.2	1,632,514	5	KHẢ QUAN	5,980	12.2	1.4
HAG	4.61	6,302,547	0	TRUNG TÍNH	6,359	9.6	0.8
HAI	2.7	2,355,942	-4	TIÊU CỰC	6,412	11.8	0.7
HBC	9.77	3,969,927	-5	TIÊU CỰC	1,243	#N/A	0.2
HCM	19.6	2,884,132	-2	TRUNG TÍNH	5,069	14.9	0.8
HDB	29.4	1,099,088	2	TRUNG TÍNH	4,129	27.8	0.4
HDC	18.3	1,239,950	-2	TRUNG TÍNH	8,273	25.1	1.1
HDG	22.5	1,714,123	2	TRUNG TÍNH	7,366	9.2	1.5
HHS	4.64	2,640,050	-1	TRUNG TÍNH	2,256	9.0	0.6
HNG	12.5	1,639,611	-2	TRUNG TÍNH	1,844	25.0	1.4
HPG	24.65	11,715,596	5	KHẢ QUAN	1,593	5.3	1.1
HSB	11.65	8,621,960	4	KHẢ QUAN	37,159	#N/A	3.3
HUT	2.5	2,724,345	6	KHẢ QUAN	6,325	#N/A	2.5
HVN	26.2	706,940	-6	TIÊU CỰC	2,605	12.4	2.2
ITA	4.4	8,939,014	-7	TIÊU CỰC	5,577	8.6	0.7
KBC	13.65	1,967,525	-4	TIÊU CỰC	6,592	13.0	2.6
KDC	34.9	839,141	4	KHẢ QUAN	2,672	9.0	0.7
KDH	24.35	544,096	4	KHẢ QUAN	10,398	8.3	3.2
KLF	1.7	1,716,090	0	TRUNG TÍNH	20,463	7.3	0.6
KOS	30.8	685,747	0	TRUNG TÍNH	28,398	6.9	1.4

KSB	29.8	1,779,042	-2	TRUNG TÍNH	8,890	6.3	0.7
LDG	6.2	2,466,069	4	KHẢ QUAN	48,800	16.1	1.1
LPB	9.1	5,186,860	0	TRUNG TÍNH	6,867	8.3	1.3
MBB	17.8	5,139,377	7	KHẢ QUAN	7,514	7.5	1.4
MBG	5.4	2,078,395	2	TRUNG TÍNH	126,048	16.8	3.4
MSN	54.8	1,402,417	7	KHẢ QUAN	940	4.3	0.9
MWG	93.1	994,372	7	KHẢ QUAN	12,478	13.7	3.0
NHH	56.3	175,202	-4	TIÊU CỰC	4,299	11.5	0.8
NKG	7.63	1,596,470	5	KHẢ QUAN	1,312	19.2	0.4
NLG	27.5	1,232,428	-2	TRUNG TÍNH	1,487	3.8	0.5
NVB	8.3	2,891,900	-2	TRUNG TÍNH	3,279	5.6	0.7
NVL	62.7	1,347,232	0	TRUNG TÍNH	11,379	7.7	1.1
PC1	19.2	395,105	2	TRUNG TÍNH	3,376	75.0	0.8
PDR	33.7	973,532	7	KHẢ QUAN	4,275	5.1	0.4
PHR	57.5	1,490,521	0	TRUNG TÍNH	4,534	6.7	1.2
PLX	51.2	1,449,959	4	KHẢ QUAN	2,201	#N/A	0.3
PNJ	59.8	694,613	2	TRUNG TÍNH	2,363	5.8	0.8
POW	10.05	3,564,771	4	KHẢ QUAN	1,453	3.3	1.6
PVD	11	6,230,736	-2	TRUNG TÍNH	7,178	121.6	1.3
PVS	12.5	3,970,520	2	TRUNG TÍNH	122,613	30.2	6.6
PVT	11.65	2,036,660	0	TRUNG TÍNH	20,801	6.5	1.5
REE	36.7	432,817	0	TRUNG TÍNH	13,607	12.5	1.8
ROS	2.19	6,126,151	2	TRUNG TÍNH	1,438	7.2	1.0
SAB	191.2	127,247	-5	TIÊU CỰC	2,915	16.1	3.3
SBT	14.1	3,205,667	0	TRUNG TÍNH	4,823	12.9	0.8
SHB	13.8	3,227,805	-4	TIÊU CỰC	1,206	6.5	1.2
SHS	11.4	2,366,130	-4	TIÊU CỰC	3,470	3.0	1.2
SSI	15.8	4,810,392	4	KHẢ QUAN	13,857	#N/A	1.5
STB	11.25	8,171,094	7	KHẢ QUAN	451	7.5	0.5
SZC	26.05	1,673,269	4	KHẢ QUAN	2,091	8.4	1.2
TCB	21.5	2,416,958	2	TRUNG TÍNH	672	11.8	0.2
TCH	20.85	4,508,311	7	KHẢ QUAN	786	6.2	0.7
TCM	23.2	1,338,551	7	KHẢ QUAN	4,125	10.0	1.1
TNG	12.7	807,415	-4	TIÊU CỰC	2,105	10.3	2.1
TVB	7.71	308,755	-4	TIÊU CỰC	3,059	8.8	0.8
VCB	82.5	1,185,926	4	KHẢ QUAN	3,196	229.2	2.8
VCI	27.4	942,568	2	TRUNG TÍNH	1,939	#N/A	4.0
VCS	67	194,820	5	KHẢ QUAN	1,644	2.7	0.4
VEA	44.3	113,965	5	KHẢ QUAN	2,575	5.7	0.7
VHC	41.3	620,512	0	TRUNG TÍNH	420	20.9	0.2
VHM	78.5	1,735,121	4	KHẢ QUAN	1,275	4.0	0.4
VIB	22.5	1,567,890	2	TRUNG TÍNH	58,866	8.1	2.2
VIC	90.5	607,240	0	TRUNG TÍNH	402	7.0	0.7
VJC	106.8	425,358	-2	TRUNG TÍNH	2,497	8.1	2.1
VND	12.35	596,429	-4	TIÊU CỰC	233	5.3	0.5
VNM	124.2	1,394,086	-4	TIÊU CỰC	4,527	9.6	1.9
VPB	22.9	4,201,249	2	TRUNG TÍNH	493	105.3	0.2
VPI	41.2	662,420	0	TRUNG TÍNH	281	#N/A	0.2
VRE	28.3	2,863,268	6	KHẢ QUAN	494	31.5	1.5

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (KSB)

Khuyến nghị: **Nắm giữ**

Giá đóng cửa (07/09/2020)	29,450	P/E (20F,x)	6,0
Giá mục tiêu (12T)	29,500	P/B (20F,x)	1,3
Vốn hóa (tỷ đồng)	1,593	Beta	1,3

- Nửa đầu năm 2020, doanh thu đạt 693 tỷ (+17.9% YoY) và lợi nhuận sau thuế đạt 158 tỷ (+3.9% YoY): 1) doanh thu kinh doanh đất đã phát triển cơ sở hạ tầng ghi nhận một lần tăng mạnh từ 98 tỷ năm 1H2019 lên 257 tỷ 1H2020; 2) Chi phí lãi vay tăng 65% YoY nguyên nhân đến từ việc thay đổi cơ cấu nợ vay trả nợ vay ngắn hạn 500 tỷ (trái phiếu đến hạn phải trả) và vay nợ vay dài hạn 300 tỷ đến từ việc phát hành trái phiếu.
- Năm 2020, dự báo doanh thu và lãi ròng đạt 1.248 tỷ đồng và 272 tỷ đồng, lần lượt giảm 5% và 18.6% cùng kỳ: 1) mảng khai thác khoáng sản dự báo doanh thu chỉ đạt 791 tỷ đồng, giảm 15% cùng kỳ chủ yếu do đà giảm từ Mỏ Tân Đông Hiệp; 2) mảng khu công nghiệp kỳ vọng doanh thu đạt 434 tỷ đồng, tăng 10% cùng kỳ nhờ giá cho thuê dự báo tăng so với cùng kỳ, cũng như biên lợi nhuận tăng từ 28,8% lên mức 31,4% riêng mảng khu công nghiệp; 3) Với việc phát hành thêm 300 tỷ trái phiếu không chuyển đổi với kỳ hạn 3 năm và lãi suất 11% cho 2 kỳ đầu tiên sẽ khiến cho chi phí tài chính dự kiến ở mức 92 tỷ đồng, tăng 21.4% so với cùng kỳ.
- EPS forward 2020 ước tính ở mức 4,997 đ/cp, tương ứng mức P/E forward ở mức 6.0 lần. Giá cổ phiếu tăng đã tăng 40% kể từ đầu tháng 8/2020 khiến cho P/E dự báo gần với mức trung bình 6 năm và dự địa tăng trưởng về giá của cổ phiếu không nhiều, vì vậy chúng tôi đánh giá mức **NẮM GIỮ** đối với KSB.

	FY 2016	FY 2017	FY 2018	FY 2019	FY 2020(F)
Doanh thu (Tỷ VND)	850	1,094	1,169	1,314	1,248.
Lợi nhuận hoạt động (Tỷ VND)	248	327	412	464	609
Biên LNHD (%)	29.2	29.8	35.3	35.3	48.8
LNST (VND bn)	206	277	327	330	269
EPS (VND)	3,562	4,577	6,251	5,286	4,998
ROE (%)	32.4	34.5	36.3	24.6	20.8
P/E (x)	8.3	8.5	4.1	3.2	6.0
P/B (x)	2.5	2.6	1.3	0.7	1.25

Nguồn: dữ liệu công ty, Bloomberg, MAS VN dự phóng

Link báo cáo đầy đủ:

<https://www.masvn.com/pdfViewer.do?screen=research&ids=6F8C036C-919F-4242-84C8-24496D2D3001>

Thông tin cập nhật

GDP Nhật Bản giảm kỷ lục

Văn phòng Nội các Nhật Bản sáng nay công bố số liệu điều chỉnh GDP quý II. Theo đó, GDP nước này giảm 28,1%, tệ hơn số liệu sơ bộ là 27,8%. Đây là mức giảm GDP lớn nhất của Nhật Bản kể từ năm 1955. Việc này diễn ra đúng thời điểm đảng Dân chủ Tự do (LDP) chuẩn bị chọn thủ tướng mới, thay ông Shinzo Abe từ chức tháng trước vì lý do sức khỏe. Ứng cử viên sáng giá nhất - ông Yoshihide Suga đang đối mặt với thách thức phải cân bằng giữa kiềm chế đại dịch và phục hồi hoạt động kinh tế. Dù GDP tổng quan vẫn khớp với ước tính, đầu tư của doanh nghiệp lại yếu hơn tới 3 lần so với số liệu sơ bộ. Số hàng tồn kho cũng đang nhiều lên, cho thấy nền kinh tế lớn thứ ba thế giới đang phục hồi chậm chạp. Những điều này hé lộ thách thức với Nhật Bản khi đảng cầm quyền bắt đầu chiến dịch tìm Thủ tướng mới hôm nay. LDP dự kiến bỏ phiếu bầu lãnh đạo mới ngày 14/9. Sau đó, họ sẽ dùng thể đa số trong quốc hội để đề cử người này làm Tân thủ tướng ngày 16/9.

NHNN mua vào ngoại tệ, kỳ vọng đạt 100 tỷ USD dự trữ ngoại hối cuối năm

Tuyên bố cho phép lạm phát vượt ngưỡng 2% của Chủ tịch Cục dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) khiến đồng USD tiếp tục bị bán tháo, chỉ số DXY giảm xuống 92,7, hỗ trợ CNY phục hồi 0,33% bất chấp sự đe dọa áp đặt các biện pháp kiểm soát với các công ty công nghệ Trung Quốc của Chính quyền Mỹ. Theo ước tính của Tổng cục Hải quan, cán cân thương mại tháng 8 thặng dư khoảng 2,5 tỷ USD và lũy kế 8 tháng thặng dư 10,93 tỷ USD. Nguồn cung ngoại tệ dồi dào đã giúp NHNN liên tục mua vào lượng lớn ngoại tệ trong tháng 8, dự trữ ngoại hối hiện đã ở mức 92 tỷ USD và Chính phủ kỳ vọng sẽ tăng lên mức 100 tỷ USD vào cuối năm nay. Tỷ giá USD/VND niêm yết của các NHTM tiếp tục đi ngang ở mức 23.060/23.270 đồng và tăng nhẹ 10 đồng/USD trên thị trường tự do, lên mức 23.190/23.220 đồng. Cung cầu ngoại tệ đang rất thuận lợi và USD vẫn chịu áp lực giảm giá trên thị trường quốc tế nên tỷ giá dự kiến sẽ tiếp tục đi ngang trong thời gian tới.

Bộ trưởng Kế hoạch & Đầu tư: 'GDP năm nay phần đầu tăng 2-2,5%'

Tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 diễn ra sáng nay (4/9), Bộ trưởng Kế hoạch & Đầu tư Nguyễn Chí Dũng đã báo cáo sơ bộ về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm nay và dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm sau. Ông Dũng cho biết nền kinh tế không rơi vào suy thoái, vẫn giữ được mức tăng trưởng dương trong khi nhiều quốc gia ở khu vực và thế giới được dự báo có mức tăng trưởng âm do ảnh hưởng của dịch Covid-19. 7/12 chỉ tiêu chính của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm nay đều đạt và vượt mục tiêu đề ra. Đồng thời, Chính phủ nhất quán quan điểm giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, có giải pháp, chính sách phù hợp kích thích mạnh mẽ 3 động lực tăng trưởng chủ yếu gồm đầu tư, xuất khẩu và tiêu dùng.

GVR: sắp chi 2.400 tỷ đồng trả cổ tức năm 2019

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (HOSE: GVR) thông báo chốt danh sách cổ đông để thực hiện chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền tỷ lệ 6% (1 cổ phiếu được nhận 600 đồng). Với 4 tỷ cổ phiếu đang lưu hành, số tiền chi ra 2.400 tỷ đồng.

Ngày đăng ký cuối cùng vào 23/9 và thời gian thanh toán dự kiến 9/10.

Năm ngoái, tập đoàn kinh tế Nhà nước này có kết quả khả quan với lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt hơn 3.250 tỷ đồng, tương đương mức lãi cơ bản trên cổ phiếu

813 đồng. Cổ đông tại ĐHĐCĐ thường niên đã thông qua mức cổ tức 6% bằng tiền, tương ứng trích gần 74% lợi nhuận đạt được.

PTB: Nhà máy gỗ bị cháy có doanh thu khoảng 1.200 tỷ đồng/năm.

Công ty cổ phần Phú Tài (HoSE: PTB) xác nhận thông tin về vụ cháy 1 nhà xưởng tại Nhà máy chế biến gỗ Phước Thành - Xí nghiệp Thăng Lợi. Đây là nhà máy có diện tích đất 131.176 m², diện tích nhà xưởng 85.853 m² với quy mô doanh thu khoảng 1.200 tỷ đồng/năm. Vụ cháy diễn ra lúc 21h15 ngày 4/9 tại kho thành phẩm, vật tư bao bì đóng gói. Do bên trong nhà xưởng chứa nhiều vật tư, bao bì, hàng hóa dễ bắt lửa nên đã lan nhanh chóng, thiêu cháy toàn bộ hàng hóa và nhà xưởng rộng 6.000 m².

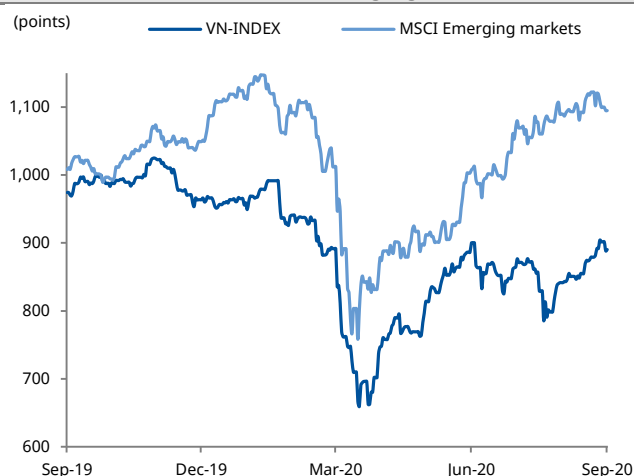
KBC: KBC đính chính lãi ròng bán niên soát xét giảm 8% thay vì 73% so với báo cáo tự lập

Tổng công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc (HoSE: KBC) công bố đính chính báo cáo tài chính bán niên được soát xét. Theo đó, lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ nửa đầu năm là 50,8 tỷ đồng, chỉ giảm 8% so với số liệu trong báo cáo tự lập, thay vì giảm 73% trong thông báo trước đó (15,1 tỷ đồng). Lợi nhuận sau thuế cổ đông không kiểm soát giảm từ 90,1 tỷ đồng xuống còn 54,2 tỷ đồng sau đính chính. Lãi cơ bản trên cổ phiếu tăng lên 108 đồng/cp. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế giữ nguyên, lần lượt đạt 727,3 tỷ đồng và 105,1 tỷ đồng. So với cùng kỳ, doanh thu giảm 54% và lợi nhuận sau thuế giảm 4%, còn phần lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ giảm 87%. Với kết quả trên, công ty chỉ hoàn thành 12,9% kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo phương án khả quan và 10,5% theo phương án tích cực mà ĐHĐCĐ thông qua.

Bản tin thị trường

Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



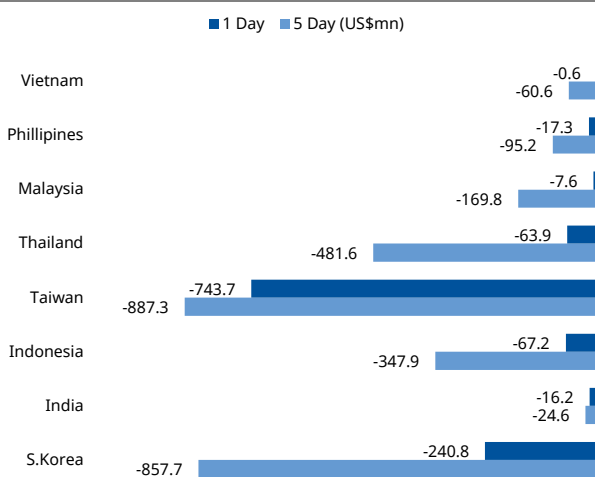
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



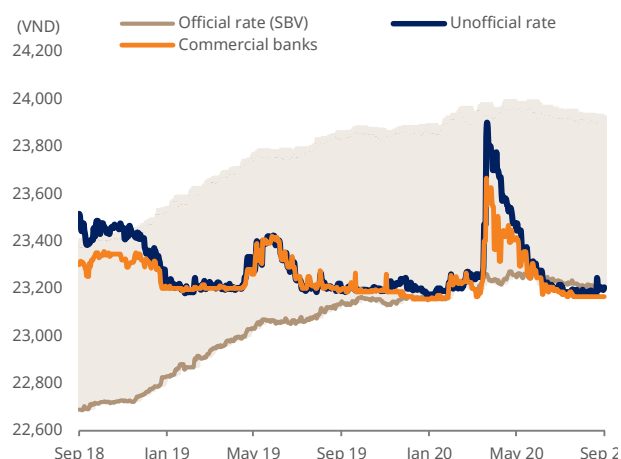
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



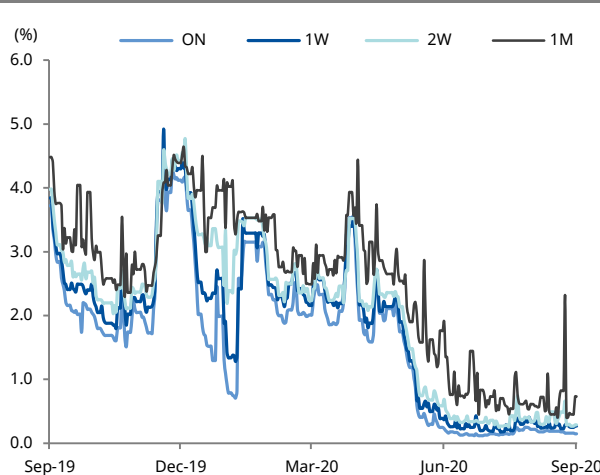
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY20	FY21	FY20	FY21
VN30 Index	VN30 Index	827.57	2,411,105		0.4	0.4	5.8	-6.6	12.9	10.4	1.8	1.5	-11.0		15.6	16.0
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	40,850	164,299	17.6	0.6	-0.2	7.2	7.5	34.9	20.2	2.2	2.0	-45.9		9.1	12.3
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	25,550	95,133	30.0	2.2	-0.6	12.3	28.4	13.8	11.2	1.2	1.1	-9.2		10.2	11.4
NHTMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	EIB VN	17,100	21,023	29.9	1.2	-0.9	1.2	1.2	36.8	35.3	1.3	1.2	-33.9		3.6	3.6
CTCP FPT	FPT VN	49,500	38,803	49.0	2.1	0.0	5.1	7.6	11.4	9.8	2.4	2.1	18.2		23.9	25.0
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	72,000	137,804	3.3	0.0	-2.8	2.6	-28.6	18.4	14.4	2.8	2.6	-36.4		15.5	19.2
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	29,400	28,398	20.8	0.7	3.7	12.9	15.3	7.0	6.2	1.2	1.1	13.5		20.2	20.1
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	24,650	81,672	35.2	0.6	0.4	1.9	38.2	8.7	7.3	1.5	1.3	25.2		18.1	19.4
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	24,350	13,607	43.5	0.0	0.0	4.1	7.4	12.6	10.5	1.6	1.5	20.0		14.2	15.7
NHTMCP Quân đội	MBB VN	17,800	42,923	23.0	0.6	-0.8	9.2	-14.9	5.9	5.0	0.9	0.8	-15.8		18.0	17.6
Tập đoàn Masan	MSN VN	54,800	64,373	38.3	0.4	-0.4	1.3	-25.9	72.6	27.9	1.5	1.5	-84.2		2.4	6.1
CTCP Thế giới di động	MWG VN	93,100	42,144	49.0	3.1	-0.3	18.4	-20.4	11.9	9.3	2.7	2.2	-9.8		26.8	27.4
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	62,700	60,871	5.7	-0.2	-1.7	-2.9	1.0	16.7	17.4	2.4	NA	5.2		14.3	11.9
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	51,200	61,738	15.2	0.2	-2.5	14.8	-15.5	49.8	18.3	2.6	2.2	-67.5		5.8	15.1
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	59,800	13,462	49.0	1.5	-0.3	8.3	-26.2	15.3	12.8	2.7	2.5	-21.8		21.3	23.2
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	10,050	23,536	11.2	0.0	0.0	6.9	-21.5	9.8	8.3	0.8	0.7	-0.4		8.5	9.3
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	36,700	11,379	49.0	0.3	-0.5	6.1	3.2	7.5	6.6	1.0	0.9	-7.2		13.4	14.0
CTCP Xây dựng FLC Faros	ROS VN	2,190	1,243	2.2	-0.5	-1.4	-4.4	-91.9	NA	NA	NA	NA	NA		NA	NA
CTCP Bia Rượu Nước giải khát SG	SAB VN	191,200	122,613	63.2	-0.5	-0.2	3.9	-28.1	30.2	26.1	6.1	5.4	-15.4		20.9	23.2
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	14,100	8,273	5.6	1.1	-1.7	-0.4	-16.3	11.8	NA	NA	NA	120.3		8.3	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	15,800	9,495	48.3	2.9	6.0	10.9	-13.1	10.9	8.8	0.9	0.8	0.9		9.0	10.6
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	11,250	20,291	9.3	0.4	0.4	7.7	10.8	12.5	7.9	0.7	0.7	-19.5		6.8	9.0
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	21,500	75,253	22.5	1.4	0.9	12.3	-3.2	7.4	6.3	1.0	0.9	1.0		15.6	15.5
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	20,850	7,366	4.4	-0.2	0.2	2.5	-5.4	NA	NA	NA	NA	NA		NA	NA
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	82,500	305,982	23.6	-1.3	-0.6	-0.5	6.7	18.2	15.2	3.1	2.6	1.2		19.9	19.6
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	78,500	258,227	20.5	-0.8	0.0	-1.4	-11.6	9.6	8.4	3.0	2.3	25.8		38.3	30.6
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	90,500	306,110	13.8	-1.1	0.6	3.4	-25.3	49.4	36.2	3.5	3.2	-24.7		6.6	8.7
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	106,800	55,946	17.8	-0.2	3.7	6.5	-18.1	-1130.2	16.2	3.5	3.2	-101.3		8.9	21.4
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	124,200	216,279	58.5	-1.4	2.6	7.5	1.1	20.8	19.3	7.2	6.4	8.9		37.8	38.2
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	22,900	55,824	23.4	1.8	-1.9	7.8	12.5	7.2	6.2	1.1	0.9	-5.6		16.7	16.2
CTCP Vincom Retail	VRE VN	28,300	64,307	30.4	2.2	4.8	7.2	-17.0	25.3	18.7	2.2	2.1	-8.9		9.1	11.7

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimates

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Biến động giá (%)				P/E(X)*		P/B(X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE(%)*	
			1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY20	FY21	FY20	FY21
VN-Index	1.89	3,208,167	0.2	1.0	5.8	-8.6	16.1	12.4	2.0	1.81	-9.2		14.7	15.6
Ô tô và phụ tùng	0.03	5,901	1.6	0.4	7.7	-7.5	5.9	4.0	0.7	0.7	NA		7.9	10.2
Ngân hàng	0.53	827,868	0.2	-3.1	5.7	7.9	18.3	13.5	2.1	1.8	28.8		15.3	15.9
Xây dựng cơ bản	0.03	104,993	0.1	0.1	8.3	8.0	7.8	5.3	0.4	0.4	-16.3		6.3	6.5
Dịch vụ thương mại	0.00	3,941	0.3	-1.3	4.8	-27.3	11.6	5.9	NA	NA	-1.5		6.7	12.7
May mặc và trang sức	0.08	22,659	1.3	-1.2	9.5	-17.6	10.4	8.5	1.7	1.6	9.8		14.3	15.7
Dịch vụ tiêu dùng	-0.01	7,417	-0.1	0.1	3.8	-12.7	228.8	4.8	1.4	1.1	-27.8		0.0	7.3
Dịch vụ tài chính	0.20	33,668	2.2	2.4	15.4	7.2	7.6	5.5	0.7	0.6	NA		6.5	8.6
Năng lượng	0.07	72,301	0.4	-1.7	14.3	-17.1	45.8	17.4	2.3	1.9	7.9		5.4	13.5
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-0.79	496,414	-0.5	-0.2	6.0	-7.5	54.0	44.6	6.8	6.2	-4.9		22.7	23.7
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.00	899	-0.1	-4.2	26.3	42.0	NA	NA	NA	NA	-49.0		NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.02	7,802	0.9	1.2	18.6	8.4	5.8	5.8	1.2	1.0	-41.9		16.2	14.2
Bảo hiểm	0.20	43,362	1.7	-2.6	10.9	-29.3	25.9	21.9	1.7	1.6	5.0		5.8	7.0
Nguyên vật liệu	0.28	157,205	0.6	-1.1	5.6	40.7	10.1	5.7	1.0	0.9	96.6		13.8	14.1
Giải trí và truyền thông	0.00	1,478	0.2	-1.2	5.5	-22.9	21.1	15.3	1.3	1.3	NA		6.7	8.5
Dược phẩm	0.24	31,969	2.8	1.6	6.8	11.3	7.3	6.3	NA	NA	24.4		3.1	3.6
Bất động sản	-0.98	785,180	-0.4	-1.9	2.5	-14.2	11.8	9.7	1.8	1.6	53.0		10.9	9.4
Bán lẻ	0.36	48,972	2.8	-1.5	16.4	-15.4	26.1	20.0	2.8	2.2	22.4		17.7	16.0
Phần mềm và dịch vụ	0.02	3,909	1.4	-0.6	18.0	-5.7	11.0	8.5	2.4	2.0	-1.6		23.7	24.3
Thiết bị và phần cứng	0.24	40,908	2.1	-1.7	5.6	12.6	NA	NA	NA	NA	20.3		NA	NA
Dịch vụ viễn thông	0.00	382	-4.4	-11.0	-8.5	-20.0	11.3	9.7	2.4	2.1	-90.7		23.7	24.8
Vận tải	0.09	138,206	0.2	-0.5	8.3	-15.0	NA	NA	NA	NA	-6.1		NA	NA
Tiện ích	0.05	209,935	0.1	-3.8	2.9	-22.4	2.1	14.9	2.5	2.3	6.6		-7.3	15.1

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimate

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
BCM VN	47,000	6.94	186,490	0.89
CTG VN	25,550	2.20	5,505,960	0.58
VRE VN	28,300	2.17	3,048,220	0.38
MWG VN	93,100	3.10	1,000,020	0.36
GVR VN	12,200	2.52	4,063,740	0.34
TCB VN	21,500	1.42	1,935,300	0.30
BID VN	40,850	0.62	1,261,510	0.28
VPB VN	22,900	1.78	4,753,470	0.27
FPT VN	49,500	2.06	1,628,870	0.22
DHG VN	105,000	5.00	17,060	0.18

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VCB VN	82,500	-1.32	1,985,560	-1.15
VIC VN	90,500	-1.09	622,290	-0.95
VNM VN	124,200	-1.43	1,809,570	-0.88
VHM VN	78,500	-0.76	1,816,120	-0.55
SAB VN	191,200	-0.52	106,590	-0.18
VGC VN	23,050	-1.91	235,580	-0.06
DAT VN	47,350	-6.97	6,630	-0.05
HPX VN	26,000	-1.89	531,390	-0.03
HNG VN	12,500	-0.79	2,311,440	-0.03
VJC VN	106,800	-0.19	404,020	-0.03

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.